

Bản án số: 28/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 08/9/2021.

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Triều Vũ Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Hồng Hiệp.

Ông Võ Thanh Điền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hồng Như – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1979.(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

**Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Bé Đ, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/12/2020 cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 31/8/2021, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Vào năm 2017, ông T và Bà Đ sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến tháng 04 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình chung sống, ông T và bà Đ có một người con chung là cháu Lê Thị Thu N sinh ngày 05/10/2017. Hiện cháu N đang sống cùng bà Đ. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nay ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bé Đ.
- Về con chung: Ông T và bà Đ có một người con chung là cháu Lê Thị Thu N sinh ngày 05/10/2017. Ông T đồng ý giao cháu N cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Bé Đ: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà, nhưng bà không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn bà Huỳnh Thị Bé Đ đã được triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 235 và Điều 238 xét xử vắng mặt ông T và bà Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017, ông T và bà Đ sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập bà Đ đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng bà Đ vẫn vắng mặt, nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà Đ.

[3] Về con chung: Ông Lê Văn T xác định trong thời gian chung sống, ông và bà Đ có một người con chung là cháu Lê Thị Thu N sinh ngày 05/10/2017. Ông T đồng ý giao cháu N cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản xác minh ngày 01/6/2021 đại diện ban nhân dân ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cung cấp thông tin: “ Ông T và bà Đ có một người con chung là cháu Lê Thị Thu N sinh ngày 05/10/2017. Kể từ khi ly thân đến nay, cháu

*N đều do bà Đ nuôi dưỡng*”. Xét thấy: Việc thay đổi điều kiện hoàn cảnh sống, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Ngân. Bên cạnh đó, ông T cũng đồng ý giao con cho bà Đ nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Bà Đ không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Dành quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Lê Văn T mà không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn T xác định trong thời gian chung sống ông và bà Đ không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Bé Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bé Đ.

2/ Về con chung: Ông Lê Văn T xác định trong thời gian chung sống ông và bà Đ có một người con chung là cháu Lê Thị Thu N sinh ngày 05/10/2017. Giao cháu N cho bà Huỳnh Thị Bé Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng: không đặt ra xem xét.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Văn T mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn T xác định trong thời gian chung sống ông và bà Đ không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008137 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông T đã nộp xong án phí. Bà Huỳnh Thị Bé Đ không phải chịu án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã C;
- huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tăng Triều Vũ Hà**